

Ngày 11 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS**

Mã chứng khoán: **MSR**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“**Công Ty**”) công bố Báo cáo tài chính năm 2020 của Công Ty đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/03/2021 tại đường dẫn https://masangroup.com/masanresources/investor-center/financial-information?lang_ui=vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHẠM NGUYỄN HẢI



**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Nguyễn Văn Thắng
Ông Craig Richard Bradshaw

Chủ tịch
Phó Chủ tịch thứ nhất
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw
Ông Stuart James Wells

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
HIGH-TECH
MATERIALS

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00097-21-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2021

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130)	100		1.102.056.861	711.706.777
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.739.750	4.273.418
Tiền	111		739.750	273.418
Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000	4.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.050.317.111	707.433.359
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	1.050.317.111	707.433.359
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250)	200		14.156.476.389	12.454.770.460
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5	2.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	9.454.770.460
Đầu tư vào công ty con	251	6	12.156.476.389	9.454.770.460
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.258.533.250	13.166.477.237

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.101.408.455	3.068.983.519
Nợ ngắn hạn	310		1.101.408.455	68.983.519
Phải trả người bán ngắn hạn	311		32	330.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		406.630	6.860.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	7	88.151.323	48.986.812
Phải trả ngắn hạn khác	319	8	12.850.470	12.806.470
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	9	1.000.000.000	-
Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	3.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	9	2.000.000.000	3.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.157.124.795	10.097.493.718
Vốn chủ sở hữu	410	10	12.157.124.795	10.097.493.718
Vốn cổ phần	411	11	10.991.554.200	9.892.398.780
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.991.554.200	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	412	11	1.098.259.892	145.709.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.310.703	59.385.554
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		59.385.554	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.925.149	59.385.554
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.258.533.250	13.166.477.237

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	306.449.356	941.356.833
Chi phí tài chính	22	13	299.550.094	279.184.198
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.428.920	3.368.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		1.470.342	658.803.749
Thu nhập khác	31		501.547	-
Chi phí khác	32		-	501.547
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)			501.547	(501.547)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.971.889	658.302.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	(5.953.260)	6.358.690
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		7.925.149	651.943.512

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.971.889	658.302.202
Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(306.449.356)	(941.356.833)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06		298.399.658	279.184.198
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.077.809)	(3.870.433)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(292.885)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(413.263)	(2.527.342)
			(6.783.957)	(6.397.775)
Tiền lãi vay đã trả	14		(301.932.976)	(271.211.564)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(300.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(309.016.933)	(277.609.339)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”)	23		-	(500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		-	3.945.518.100
Góp vốn vào công ty con	25		(2.701.705.929)	(4.314.434.887)
Tiền thu lãi tiền gửi, đầu tư và cổ tức	27		963.858.457	647.510.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.737.847.472)	(221.405.809)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.094.330.737	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		-	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.094.330.737	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		47.466.332	984.852
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		4.273.418	3.288.566
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	51.739.750	4.273.418

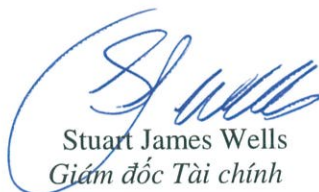
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



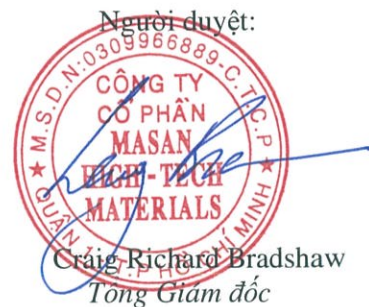
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý. Công ty thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan thành Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials và đã hoàn tất đăng ký thay đổi tên công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 6 tháng 8 năm 2020.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2020: 3 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (Nghìn VND), trừ khi được trình bày khác.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản đối với tài sản và bán chuyên khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(h) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(i) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

T. T. N. ...
IN
T. A. N. A.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ HĐHTKD và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(l) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	739.750	273.418
Các khoản tương đương tiền	51.000.000	4.000.000
	<hr/>	<hr/>
	51.739.750	4.273.418

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	49.962.111	49.962.111
Phân phối lợi nhuận	-	657.409.101
Phải thu theo HĐHTKD (b)	1.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	355.000	62.147
	<hr/>	<hr/>
	1.050.317.111	707.433.359
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu theo HĐHTKD (b)	2.000.000.000	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

(a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 5(b)).

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho NPM theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi năm (5) lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng, sáu mươi (60) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD lần lượt vào tháng 9 năm 2018, tháng 11 năm 2018 và tháng 5 năm 2019. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho MTC theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi ba (3) lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	9.454.770.460	(*)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với trị ghi sổ.

Trong năm, theo Nghị quyết số 522/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã góp vốn bổ sung bằng tiền vào MRTN trị giá 2.701.706 triệu VND (2019: 4.314.435 triệu VND).

7. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay phải trả	45.058.494	48.591.812
Chi phí phát hành cổ phiếu	42.624.809	-
Chi phí phải trả khác	468.020	395.000
	<hr/>	<hr/>
	88.151.323	48.986.812

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	10.294.685	10.294.685
Các khoản khác	44.000	-
	12.850.470	12.806.470

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

9. Vay và trái phiếu

	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.000.000.000)	-
	2.000.000.000	3.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2021	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2024	500.000.000	500.000.000
		3.000.000.000	3.000.000.000

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(b)).
- (b) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 14,09% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM và MTC (Thuyết minh 5(b)).
- (c) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,06% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(b)).

10. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Ngàn VND	Thặng dư vốn cổ phần Ngàn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Ngàn VND	Tổng cộng Ngàn VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	651.943.512	651.943.512
Phát hành cổ phiếu thưởng	899.307.560	-	(899.307.560)	-
Số dư tại ngày 1/1/2020	9.892.398.780	145.709.384	59.385.554	10.097.493.718
Phát hành mới cổ phiếu	1.099.155.420	995.175.317	-	2.094.330.737
Chi phí giao dịch phát hành cổ phiếu	-	(42.624.809)	-	(42.624.809)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.925.149	7.925.149
Số dư tại ngày 31/12/2020	10.991.554.200	1.098.259.892	67.310.703	12.157.124.795

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần đã phát hành				
Số dư đầu năm	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Phát hành cổ phiếu thường trong năm	-	-	89.930.756	899.307.560
Phát hành cổ phiếu trong năm (*)	109.915.542	1.099.155.420	-	-
Số dư cuối năm	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780

(*) Ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty ký thỏa thuận chào bán cổ phần với Mitsubishi Material Corporation (Nhà đầu tư) để phát hành 109.915.542 cổ phiếu phổ thông cho tổng khoản thanh toán là 2.094.330.737.268 VND. Liên quan đến giao dịch này, Công ty đã cấp quyền chọn bán cho Nhà Đầu Tư mà quyền chọn bán này chỉ được thực hiện trong trường hợp khi (i) Công ty và Nhà Đầu Tư (hoặc các bên liên kết của Nhà Đầu Tư) không thể thiết lập được nền tảng vận hành chung cho mảng

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

kinh doanh vonfram chế biến cận sâu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hoàn tất của giao dịch này hoặc (ii) khi có sự thay đổi quyền kiểm soát đối với Công ty. Giá mua của quyền chọn bán bằng với giá đặt mua cổ phần bằng VND trừ đi tổng số tiền thu được bởi Nhà Đầu Tư từ việc bán cổ phần của Công ty và tổng số cổ tức và khoản bồi hoàn mà Nhà Đầu Tư nhận được, có thể được điều chỉnh cho những sự kiện suy giảm quyền sở hữu trong tương lai. Hạn chót để hoàn tất giao dịch quyền chọn bán là trong vòng 18 tháng kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thực hiện quyền chọn bán từ Nhà Đầu Tư. Việc thực hiện quyền chọn bán phải có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, các cổ đông và các cơ quan quản lý của Việt Nam.

Việc phát hành cổ phiếu kết thúc vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 và tất cả các cổ phiếu dự kiến đều đã được phân phối và tất cả các khoản thanh toán đã thu được. Sau khi hoàn thành giao dịch này, Nhà đầu tư nắm giữ 10% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới được sử dụng để nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh, tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả của Công ty và/hoặc các công ty con thông qua việc góp vốn vào các công ty con.

12. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lãi tiền gửi	137.167	138.714
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận	-	657.409.101
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	306.312.189	283.809.018
	<hr/>	<hr/>
	306.449.356	941.356.833
	<hr/>	<hr/>

13. Chi phí tài chính

	2020	2019
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay	298.399.658	278.460.274
Chi phí đi vay	1.150.436	723.924
	<hr/>	<hr/>
	299.550.094	279.184.198
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	1.971.889	658.302.202
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	394.378	131.660.440
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.052	100.309
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước (*)	(6.358.690)	6.079.761
Thu nhập không bị tính thuế	-	(131.481.820)
	(5.953.260)	6.358.690

(*) Dự phòng thừa trong năm trước chủ yếu đến từ điều chỉnh do đánh giá ảnh hưởng của Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Khoản 3 Điều 8 của Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

15. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty lần lượt tương đương với 67.856 triệu VND (1/1/2020: 146.358 triệu VND) và Không (1/1/2020: 750.000 triệu VND).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
	Lãi trái phiếu	-	89.829.756
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Bù trừ khoản phải trả MSN và khoản phải thu NPM	-	541.074.175
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu	11.635.249	6.052.234
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i)	-	500.000.000
Các công ty con			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Góp vốn	2.701.705.929	4.314.434.887
	Thu hồi khoản phải thu về cho vay dài hạn	-	3.945.518.100
	Thu hồi chi phí tài chính	-	368.916.787
	Phân phối lợi nhuận	-	657.409.101
	Chuyển khoản phải thu NPM sang khoản phải thu MRTN	-	368.916.787
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	204.566.817	182.341.639
	Góp vốn cho HĐHTKD	-	500.000.000
	Chuyển khoản phải thu NPM sang khoản phải thu MRTN	-	368.916.787
	Bù trừ khoản phải thu NPM và khoản phải trả MSN	-	541.074.175
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	101.745.371	101.467.379
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	25.157.139	31.123.186

(i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận thu xếp giao dịch.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

- (ii) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Lương và thưởng cho Tổng Giám đốc của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 được chi trả bởi một công ty con của Công ty.

Chi tiết thù lao, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND
Hội đồng quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên Hội đồng Quản trị	-
Tổng Giám đốc		
Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc	25.157.139

16. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
HIGH-TECH
MATERIALS
CRAIG RICHARD BRADSHAW
Tổng Giám đốc